

38. Xã Tịnh Khê

Đvt: Nghìn đồng/m²

STT	Tuyến đường/ đoạn đường	Vị trí	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
I	Khu vực 1:				
1	Đất mặt tiền đường Trần Văn Trà (đoạn từ giáp ranh phường Trương Quang Trọng đến Cầu sắt)	1	9.500	3.800	2.850
2	Đất mặt tiền đường Văn Tiến Dũng (đoạn từ cầu Sắt đến giáp đường Lê Trọng Tấn)	2	7.100	2.840	2.130
3	Đất mặt tiền đường Lê Trọng Tấn (đoạn giáp đường Văn Tiến Dũng đến cầu Khê Hòa)	2	7.100	2.840	2.130
4	Đất mặt tiền đường Nguyễn Thị Pháo (đoạn từ đường Lê Trọng Tấn đến giáp đường Mỹ Khê)	2	7.100	2.840	2.130
5	Đất mặt tiền đường Hoàng Sa đoạn thuộc xã Tịnh Khê	2	7.100	2.840	2.130
6	Đất mặt tiền đường nội bộ Khu dân cư Mỹ Khê	3	5.500	2.200	1.650
7	Đất mặt tiền đường ĐH530 đoạn từ đường Trần Văn Trà đến hết nghĩa trang Tịnh Châu	4	4.700	1.880	1.410
8	Đất mặt tiền đường có mặt cắt rộng từ 15,5m trở lên thuộc Khu tái định cư kết hợp phát triển quỹ đất phục vụ cho dự án xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu Tịnh Kỳ và khu dân cư Tịnh Kỳ giai đoạn 2	4	4.700	1.880	1.410
9	Đường Cảng cá thuộc Khu Cảng cá và Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Sa Kỳ	4	4.700	1.880	1.410
10	Đất mặt tiền đường Đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu Tịnh Kỳ	4	4.700	1.880	1.410
11	Đất mặt tiền đường ĐH530 đoạn từ đường Trần Văn Trà đến ngã tư giáp đường ĐH521	5	4.000	1.600	1.200
12	Đất mặt tiền thuộc đường nối Văn Tiến Dũng đến đường Hoàng Sa trên địa bàn xã Tịnh Khê	5	4.000	1.600	1.200
13	Đất mặt tiền đường chính đoạn từ núi An Vĩnh đến hết đường bờ Đông Sông Kinh (Cửa Đại) (Bao gồm cả đường Võ Bẩm)	5	4.000	1.600	1.200
14	Đường ven biển Khu du lịch Mỹ Khê (Bao gồm cả đường Mỹ Khê)	5	4.000	1.600	1.200
15	Đất mặt tiền đường gom thuộc Khu tái định cư Đồng Trại - Khê Nam và Khu tái định cư Rừng Cây	5	4.000	1.600	1.200
16	Đất mặt tiền đường có mặt cắt rộng từ 11,5m đến 12m trở lên thuộc Khu tái định cư kết hợp phát triển quỹ đất phục vụ cho dự án xây dựng hệ thống đê bao nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu Tịnh Kỳ và khu dân cư Tịnh Kỳ giai đoạn 2	5	4.000	1.600	1.200
17	Đường nội bộ còn lại thuộc Khu Cảng cá và Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Sa Kỳ	5	4.000	1.600	1.200
18	Đất mặt tiền đường nội bộ các KDC: Ruộng Ngõ, Gò Dêch, Tăng Long	6	3.500	1.400	1.050
19	Đất mặt tiền các trục đường chính thuộc các KDC: Cây Sến, Đồng Bến Sứ có mặt cắt từ 9,5m trở lên	6	3.500	1.400	1.050
20	Đất mặt tiền đường trục liên thôn Mỹ Lại - Trương Định nối đường Văn Tiến Dũng và đường Hoàng Sa	6	3.500	1.400	1.050
21	Đất mặt tiền đường đoạn từ đường Văn Tiến Dũng đến đường Hoàng Sa	6	3.500	1.400	1.050
II	Khu vực 2:				
1	Đất mặt tiền đường rộng từ 3m trở lên nối và cách đường Văn Tiến Dũng, Lê Trọng Tấn không quá 100m đoạn từ giáp Trường PTTH Sơn Mỹ đến cầu Khê Hòa, đến cầu Khê Kỳ	1	3.100	1.240	930
2	Đất mặt tiền các tuyến đường nội bộ còn lại thuộc các khu tái định cư: Đồng Trại - Khê Nam, Rừng Cây, Mỹ Lại, Cây Sến, Đồng Bến Sứ	1	3.100	1.240	930

STT	Tuyến đường/ đoạn đường	Vị trí	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
3	Đất mặt tiền đường chính nội xã đoạn từ ngã 3 sân vận động đến Trạm kiểm soát Biên phòng Sa Kỳ; đến cơ sở đóng tàu thuyền An Ngãi	1	3.100	1.240	930
4	Đất mặt tiền đường chính nội xã đoạn từ ngã 3 ông Đốc đến tiếp giáp trục chính đối diện Nhà văn hóa thôn An Kỳ	1	3.100	1.240	930
5	Đất mặt tiền đường chính nội xã đoạn từ Nhà văn hóa thôn An Kỳ đến bến đò Kỳ Bắc (An Kỳ).	1	3.100	1.240	930
6	Đất mặt tiền đường Cầu Sắt - Bình Tân đoạn từ Cầu Sắt đến hết ngã tư chợ Tịnh Thiện	2	3.000	1.200	900
7	Đất mặt tiền các tuyến đường nội bộ trên địa bàn xã có mặt cắt từ 5,0m trở lên	3	2.800	1.120	840
8	Đất mặt tiền đường rộng từ 3m trở lên nối và cách đường Văn Tiến Dũng không quá 100m đoạn từ giáp Tịnh Thiện đến trường PTTH Sơn Mỹ	3	2.800	1.120	840
9	Đất mặt tiền đường rộng từ 3m trở lên nối và cách đường Hoàng Sa không quá 100m	3	2.800	1.120	840
10	Đất mặt tiền đường QL 24B - Bình Tân các đoạn còn lại	4	2.500	1.000	750
11	Đất mặt tiền các tuyến đường nội bộ thuộc các khu tái định cư: Cây Sến, Khê Tân có mặt cắt dưới 5,5m	4	2.500	1.000	750
12	Đất mặt tiền các tuyến đường nội bộ trên địa bàn xã còn lại có mặt cắt từ 3,0 m đến dưới 5,0m	4	2.500	1.000	750
13	Đất mặt tiền đường DH521	5	1.900	760	570
14	Đất mặt tiền các tuyến đường nội bộ trên địa bàn xã còn lại có mặt cắt từ 2,0 m đến dưới 3,0m	5	1.900	760	570
15	Đất mặt tiền đường rộng từ 3m trở lên nối và cách đường Hoàng Sa trên 100m	5	1.900	760	570
16	Đất mặt tiền đường nội thôn rộng từ 3m trở lên thuộc Khê Lập và đến hết Khê Hội	5	1.900	760	570
17	Đất mặt tiền đường rộng từ 3m trở lên đoạn từ thôn Mỹ Lại đến giáp thôn Trường Định	5	1.900	760	570
III	Khu vực 3:				
1	Đất mặt tiền đường Hàng Gia -Vĩnh Tuy	2	1.300	520	390
2	Đất mặt tiền đường rộng từ 2m đến 3m trên địa bàn xã	2	1.300	520	390
3	Các vị trí đất khác còn lại trên địa bàn xã	5	700	280	210
IV	Khu vực 4: Không có				
V	Khu vực 5: Không có				
VI	Khu vực 6: Không có				